THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8/3

KỶ NIỆM 1975 NĂM KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG

NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8/3 CÓ TỪ KHI NÀO ?

Cuộc biểu tình của đòi quyền lợi của phụ nữ trên thế giới- Ảnh tư liệu

Ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 hàng năm không chỉ là ngày dành riêng cho nữ giới. Đây cũng chính là cơ hội để xã hội, đặc biệt là nam giới, ghi nhận sự đóng góp của phụ nữ trong các lĩnh vực và đảm bảo quyền lợi hợp pháp và cơ hội bình đẳng cho phụ nữ.

Ngày Quốc tế Phụ nữ khởi nguồn từ các hoạt động của phong trào lao động thế kỷ 20 ở Bắc Mỹ và Châu Âu. Ngay từ những điểm khởi đầu sơ khai đó, ngày Quốc tế Phụ nữ đã mở ra một xu hướng toàn cầu cho sự phát triển của phụ nữ ở các nước, kể cả các nước đang phát triển và các nước phát triển.

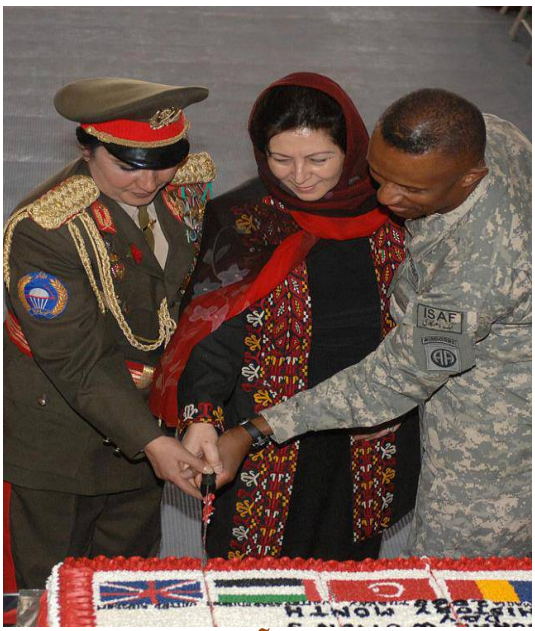

Cắt bánh kem mừng lễ kỷ niệm Ngày Quốc tế phụ nữ tại Bagram Air Base, Afghanistan, ngày 3 tháng 3 năm 2008

Ngày 8/3/1857, nữ công nhân lao động ngành dệt may Thành phố New York (Mỹ) đã diễu hành và đình công đòi được cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo quyền bình đẳng cho phụ nữ. Ngày 8/3/1908, cũng tại New York, 15.000 phụ nữ đã diễu hành đòi giảm giờ làm, tăng lương, đòi quyền được bầu cử và chấm dứt lao động trẻ em. Năm 1909, ngày Phụ nữ Quốc gia lần đầu tiên được tổ chức ở Mỹ vào ngày 28/2/1909. Khi đó, Đảng Xã hội Mỹ lấy ngày này để kỷ niệm cuộc đình công của nữ công nhân ở New York năm 1908.

Năm 1910, Đại hội Phụ nữ thế giới lần thứ 2 tại Đan Mạch đã công bố lấy ngày 8/3 làm ngày Quốc tế Phụ nữ, thể hiện quyết tâm đấu tranh giành quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em. Năm 1911, ngày Quốc tế Phụ nữ được tổ chức tại các nước Áo, Đan Mạch, Đức và Thụy Sĩ với hơn một triệu phụ nữ và nam giới tham gia vào các cuộc biểu tình. Bên cạnh việc đòi quyền bỏ phiếu và nắm giữ các chức vụ công quyền, những người biểu tình còn đòi quyền làm việc cho phụ nữ, quyền được đào tạo, xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ và bình đẳng giới trong lao động.
Như vậy, phong trào đấu tranh giải phóng phụ nữ không chỉ diễn ra mạnh mẽ ở Mỹ mà còn ở các nước Châu Âu và nhiều nơi khác trên thế giới. Vào những năm 1913-1914, ngày Quốc tế phụ nữ trở thành cuộc biểu tình chống Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất. Một số nơi khác ở Châu Âu, vào dịp 8/3 phụ nữ tổ chức biểu tình chống chiến tranh hoặc đơn giản là thể hiện tình đoàn kết. Năm 1917, trong bối cảnh chiến tranh, 90.000 nữ công nhân lao động của Nga thuộc 50 xí nghiệp ở thành phố Petrograd đã biểu tình và đình công vào ngày Chủ nhật cuối cùng của tháng Hai 23/2 theo lịch Nga cũ (nhằm ngày 8/3 dương lịch). Bốn ngày sau đó Nga Hoàng thoái vị và Chính phủ lâm thời đã đồng ý dành cho phụ nữ Nga quyền bỏ phiếu.

Hãy chia sẻ với phụ nữ những khó khăn trong công việc và gia đình

Ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 hàng năm không chỉ là ngày dành riêng cho nữ giới. Đây cũng chính là cơ hội để xã hội, đặc biệt là nam giới, ghi nhận sự đóng góp của phụ nữ trong các lĩnh vực

Từ năm 1950 tại Việt Nam, vào ngày mùng 6 tháng hai âm lịch mỗi năm đều có tổ chức ngày lễ Hai Bà Trưng ở Sài Gòn, và sau đó đã dùng ngày lễ này làm ngày Phụ nữ. Mỗi năm đều chọn một nữ sinh trường Trưng Vương và một nữ sinh trường Gia Long đóng vai Hai Bà Trưng ngồi trên bành voi trong dịp cử hành lễ.

Về sau, ngày Quốc tế Phụ nữ được phổ biến ở cả các nước phát triển lẫn các nước đang phát triển, trở thành một ngày lễ được ghi nhận và kỷ niệm ở khắp năm châu. Bên cạnh đó, phong trào nữ quyền thế giới ngày càng phát triển và được khích lệ bởi các

quốc gia cũng như các Hội nghị Phụ nữ toàn cầu của Liên Hợp Quốc (LHQ). Các hội nghị này đề cao sự phát triển của phụ nữ, hỗ trợ các quyền và sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị. LHQ lần đầu tiên kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 vào năm 1975 (năm Phụ nữ Quốc tế).

Hai năm sau, vào tháng 12 năm 1977, Đại hội đồng LHQ đã thông qua nghị quyết tuyên bố các nước thành viên kỷ niệm ngày 8-3 như là ngày vì quyền bình đẳng, tiến bộ của phụ nữ và hòa bình thế giới.

Quyết tâm giải phóng phụ nữ, đòi quyền bình đẳng và tiến bộ cho phụ nữ được thể hiện rõ qua phong trào nữ quyền thế giới, cụ thể là ba làn sóng nữ quyền chính. Làn sóng nữ quyền thứ nhất xuất hiện ở các nước công nghiệp phát triển, có liên quan chặt chẽ tới phong trào đòi quyền tự do cho phụ nữ ở Mỹ và Châu Âu. Đây là làn sóng nữ quyền tự do (liberal feminism) chủ yếu tập trung vào việc đòi quyền phụ nữ cho phụ nữ, thúc đẩy sự tiếp cận và các cơ hội bình đẳng cho phụ nữ. Phong trào này tiếp tục gây tiếng vang và ảnh hưởng tới phòng trào nữ quyền ở các nước phương Tây và phương Đông trong suốt thế kỷ 20.

Làn sóng nữ quyền thứ hai có nguồn gốc từ phòng trào giải phóng phụ nữ của phái nữ quyền cấp tiến (radical feminism) vào cuối thập niên 60, đầu thập niên 70 của thế kỷ 20. Làn sóng nữ quyền thứ hai chỉ trích chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, đấu tranh kêu gọi quyền lợi cho những nhóm người chịu thiệt thòi như công nhân lao động, người da màu, phụ nữ, những người đồng tính. Phụ nữ thuộc làn sóng nữ quyền thứ hai đã tích cực tham gia vào các cuộc diễu hành, biểu tình đòi quyền lợi, điển hình là các cuộc biểu tình chống Chiến tranh Việt Nam, các cuộc biểu tình của sinh viên, biểu tình ủng hộ người đồng tính.

Làn sóng nữ quyền thứ ba xuất hiện vào giữa thập niên 90 của thế kỷ 20 trong bối cảnh toàn cầu hóa, tự do thông tin và chính trị toàn cầu. Phụ nữ tự tin rằng họ là những nhân tố xã hội tích cực, có khả năng, mạnh mẽ và quyết đoán. Họ tin tưởng vào một xã hội có nhiều cơ hội phát triển và ít phân biệt giới tính. Làn sóng nữ quyền thứ ba có liên quan chặt chẽ tới các tác động của toàn cầu hóa và sự phân bổ quyền lực tới phát triển quyền và sự tiến bộ của phụ nữ, phản ánh sự đa dạng hóa các mối quan tâm và quan điểm của phụ nữ trong thời đại mới. Làn sóng nữ quyền thứ ba cũng kêu gọi xây dựng một liên minh đoàn kết giữa các phong trào nữ quyền khác nhau, mở rộng thuyết đồng tính ra nhiều mảng như đồng tính nam, đồng tính nữ, chuyển đổi giới tính.

Trải qua lịch sử phát triển hàng trăm năm, phong trào nữ quyền thế giới vẫn liên tục phát triển, hướng tới một mục tiêu chung là giành quyền bình đẳng cho phụ nữ, lên án mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em. Công ước của Liên hiệp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) khẳng định rằng phân biệt đối xử với phụ nữ là vi phạm các nguyên tắc về quyền bình đẳng và xúc phạm tới nhân phẩm con người, là trở ngại lớn cho phụ nữ trong việc tham gia bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực phát triển của xã hội, ngăn cản sự phát triển bền vững của cá nhân phụ nữ, gia đình và cộng đồng.

Ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 hàng năm không chỉ là ngày dành riêng cho nữ giới. Đây cũng chính là cơ hội để xã hội, đặc biệt là nam giới, ghi nhận sự đóng góp của phụ nữ trong các lĩnh vực và đảm bảo quyền lợi hợp pháp và cơ hội bình đẳng cho phụ nữ.

Ngọc Anh ***(Tổng hợp)***

http://www.nguoiduatin.vn

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC TẠI LỄ KỶ NIỆM 1975 NĂM KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG

Báo Tin tức trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tại Lễ kỷ niệm 1975 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng và khai mạc Lễ hội Đền Hai Bà Trưng năm 2015, tại Di tích Quốc gia đặc biệt Đền Hai Bà Trưng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Kính thưa các đồng chí lão thành cách mạng, các mẹ Việt Nam anh hùng, Thưa các vị đại biểu, đồng bào, đồng chí!

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang phát biểu tại Đền thờ Hai Bà Trưng. Ảnh: Nguyễn Khang – TTXVN

Trong không khí toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phấn khởi, hăng hái thi đua chào mừng kỷ niệm 85 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, hôm nay, ngày đầu xuân năm mới Ất Mùi, tại Di tích Quốc gia đặc biệt Đền Hai Bà Trưng; huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 1975 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng và khai mạc Lễ hội Đền Hai Bà Trưng năm 2015 để tri ân đối với Hai Bà Trưng, những nữ anh hùng kiệt xuất của dân tộc và tưởng nhớ đến các vị tướng lĩnh tài ba, các nghĩa binh trung liệt của Hai Bà, những người đã viết nên những trang sử vàng chói lọi của dân tộc ta ngay trong buổi đầu dựng nước và giữ nước. Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi nhiệt liệt chào mừng, kính chúc sức khỏe và xin gửi những lời chúc năm mới tốt đẹp nhất đến các đồng chí lão thành cách mạng, các mẹ Việt Nam anh hùng, các vị đại biểu cùng toàn thể đồng bào, đồng chí.

Thưa các vị đại biểu, đồng bào, đồng chí!

Hai Bà Trưng, những người con gái Lạc tướng đất Mê Linh và cuộc khởi nghĩa của Hai Bà (năm 40-43 sau công nguyên) đã đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam, in đậm trong tâm tư, tình cảm mỗi người dân Việt Nam như một huyền thoại.

Theo truyền thuyết trong dân gian và thần tích tại đền thờ Hai Bà Trưng ở Mê Linh, Hát Môn và một số di tích thờ Hai Bà trên cả nước, hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị được nuôi dậy trong tinh thần yêu nước, được dạy binh thư võ nghệ, rất can đảm, dũng lược. Lớn lên, Trưng Trắc kết duyên cùng Thi Sách - con trai Lạc tướng huyện Chu Diên.

Thời kỳ đó, đất nước ta bị nhà Hán đô hộ. Với chính sách thống trị vô cùng tàn bạo và các chế độ cống nạp hà khắc của nhà Hán, nhân dân ta phải sống lầm than, khổ cực, sục sôi ý chí nổi dậy chống lại sự thống trị tàn bạo của chính quyền phong kiến phương Bắc. Thái thú Tô Định, biết được ý định chuẩn bị khởi nghĩa của Thi Sách và Trưng Trắc, đã lập mưu kế hãm hại Thi Sách nhằm lung lạc ý chí của Bà Trưng Trắc và tinh thần đấu tranh của nhân dân ta. Song hành động tàn bạo của Tô Định không làm cho Bà Trưng Trắc sờn lòng, trái lại, càng làm cho Bà thêm quyết tâm khởi nghĩa "Đền nợ nước, trả thù nhà".

Năm 40 (sau công nguyên), Hai Bà Trưng đã giương cao ngọn cờ tụ nghĩa, kêu gọi hào kiệt bốn phương, nhân dân cả nước đứng lên đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong ngày xuất quân, "cờ xí dậy đất, chiêng trống vang trời, tướng nam lẫm liệt, tướng nữ lạnh lùng", nghĩa quân khí thế sục sôi với lời thề: Một xin rửa sạch nước thù. Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng. Ba kẻo oan ức lòng chồng. Bốn xin vẻn vẹn sở công lênh này.

Cuộc khởi nghĩa được nhân dân khắp nơi ủng hộ, hưởng ứng, tạo thành sức

mạnh như vũ bão. Nghĩa quân của Hai Bà Trưng đi đến đâu chính quyền và quân đội nhà Hán tan vỡ đến đó. Chỉ trong một thời gian ngắn, nghĩa quân đã thu lại 65 huyện, thành, là toàn bộ lãnh thổ nước Việt hồi đó; Tô Định phải bỏ chạy về nước, chấm dứt ách đô hộ hà khắc của nhà Đông Hán.

Sau khi khởi nghĩa thắng lợi, đất nước được giải phóng, Bà Trưng Trắc được tướng sỹ và nhân dân suy tôn lên ngôi Vua, lấy hiệu là Trưng Nữ Vương, định đô tại Mê Linh."… Đô kỳ đóng cõi Mê Linh, Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta".

Sau khi Hai Bà mất, tưởng nhớ công ơn của các liệt nữ anh hùng, nhân dân nhiều địa phương nước ta đã lập đền thờ Hai Bà và các Tướng của Hai Bà.

Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng tuy chỉ đưa lại nền độc lập cho đất nước trong gần 3 năm, nhưng có ý nghĩa vô cùng to lớn, còn lưu mãi sử xanh. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong lịch sử đấu tranh oanh liệt chống ách thống trị của ngoại bang của nhân dân ta, là biểu tượng sáng ngời của lòng yêu nước, ý chí hiên ngang, khí phách quật cường của dân tộc ta. Quân xâm lược có thể đánh bại chính quyền của Hai Bà Trưng, nhưng tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc ta thì không bao giờ bị dập tắt. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là trang sử vàng trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Dân tộc ta đời đời ghi nhớ công ơn và mãi mãi tự hào về hai vị liệt nữ anh hùng.

Hai Bà Trưng là những nữ anh hùng dân tộc đầu tiên mở đầu cho truyền thống bất khuất, kiên cường của phụ nữ Việt Nam, "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh". Trong gần 2000 năm qua, phụ nữ Việt Nam đã nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của Hai Bà Trưng, có những cống hiến to lớn rất đáng tự hào vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước mà những tấm gương tiêu biểu được nhân dân ta muôn đời lưu danh, khắc ghi công ơn như Bà Triệu, Nguyên Phi Ỷ Lan, công chúa Huyền Trân, nữ tướng Bùi Thị Xuân, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Thị Sáu, Nguyễn Thị Định, các mẹ Việt Nam anh hùng, các nữ anh hùng liệt sỹ đã anh dũng hy sinh vì nước.

Thưa các vị đại biểu, đồng bào, đồng chí!

Việc tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 1975 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng là để chúng ta ôn lại một trang lịch sử oanh liệt, hào hùng, truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc ta, để bày tỏ lòng biết ơn vô hạn, sự tri ân đối với Hai Bà Trưng, các bậc tiền nhân, các anh hùng liệt sỹ đã hy sinh để Tổ quốc Việt Nam tươi đẹp và cuộc sống hạnh phúc hôm nay.

1975 năm trước, hai nữ anh hùng Trưng Trắc, Trưng Nhị đã khởi nghĩa, đánh đuổi quân xâm lược phương Bắc, giữ yên bờ cõi, giành độc lập cho dân tộc. Ngày nay, tiếp bước truyền thống yêu nước và ý chí chống giặc kiên cường đó, chúng ta, những con người của thời đại hôm nay, quyết tâm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc giang sơn gấm vóc Việt Nam. Việt Nam có chính nghĩa, có sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, có sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế và với biết bao kinh nghiệm máu xương; nhất định chúng ta sẽ xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu, không để mất "một thước núi, một tấc sông" của ông cha ta để lại, vươn lên sánh vai cùng bạn bè năm châu. Mất một ly, một lai lãnh thổ là có tội với tiền nhân; để nước ta mất độc lập, tự chủ cũng là không xứng đáng với sự hy sinh to lớn của Hai Bà Trưng.

Với tinh thần đó, một lần nữa, tôi xin chúc các vị đại biểu, đồng bào, đồng chí năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, đạt nhiều thắng lợi mới; chúc các bà, các mẹ và toàn thể chị em phụ nữ trên mọi miền đất nước và kiều bào ta ở nước ngoài đạt được những điều tốt đẹp nhất nhân ngày phụ nữ quốc tế 8/3 sắp tới.

Tinh thần cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đời đời bất diệt. Hai Bà Trưng mãi mãi là niềm tự hào, là nguồn cổ vũ dân tộc ta luôn vững bước tiến lên.

Xin trân trọng cảm ơn.

Theo TTXVN/Tin tức

HAI BÀ TRƯNG
VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG QUÂN HÁN

Hai Bà Trưng (Trưng Trắc và Trưng Nhị) nguyên là họ Lạc, con gái của Lạc tướng huyện Mê Linh. Mẹ hai Bà là bà Man Thiện, người làng Nam Nguyễn, Ba Vì, Sơn Tây, Hà Nội. Chồng mất sớm, bà Man Thiện một mình nuôi dạy hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị giỏi võ, có tinh thần yêu nước, có chí lớn.

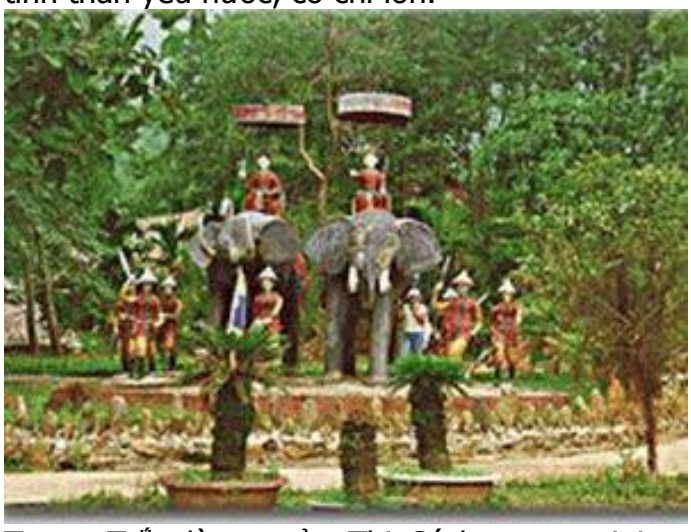

Trưng Trắc là vợ của Thi Sách, con trai Lạc tướng Châu Diên. Các Lạc tướng Mê Linh và Chu Diên có ý chống lại sự cai trị tàn bạo của Thái thú Tô Định. Định bèn bắt giết Thi Sách để trấn áp tinh thần người Việt.

Tháng 2/40, Trưng Trắc cùng với em gái là Trưng Nhị nổi binh chống lại quân Hán. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng. Hai bà lấy được 65 thành ở Lĩnh Nam. Trưng Trắc tự lập làm vua, xưng là Trưng Nữ Vương, đóng đô ở Mê Linh.

Ngày 30/2/41, nhà Hán thấy bà xưng vương dấy quân đánh lấy lại các thành.

Tháng 1 năm 42, tướng Mã Viện nhà Hán tiến đánh Hai Bà. Năm 43, Hai Bà Trưng chống cự lại với quân nhà Hán và thua nhiều trận lớn ở vùng Lãng Bạc (Tiên Sơn-Bắc Ninh), Cẩm Khê (Ba Vì-Hà Nội) nên đã gieo mình xuống Hát Giang tử tiết vào ngày 6/2/43.

Người dân đã dựng đền thờ Trưng Nữ Vương ở xã Hát Giang, huyện Phúc Lộc, nay ở Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Hai Bà Trưng được coi là anh hùng dân tộc, và được thờ cúng tại nhiều đền thờ, trong đó lớn nhất là Đền Hai Bà Trưng ở phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và đền Hai Bà Trưng tại Mê Linh, ngoại thành Hà Nội - quê hương của Hai Bà.

Bộ Lịch sử Việt Nam của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1971), khi phân tích của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, có nhận xét: "Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà là kết tinh của quá trình đấu tranh, khi âm thầm, khi công khai của nhân dân Việt Nam. Đấy là một phong trào nổi dậy của toàn dân vừa quy tụ vào cuộc khởi nghĩa ở Hát Môn do Hai Bà Trưng đề xướng, vừa tỏa rộng trên toàn miền Âu Lạc cũ. Khởi nghĩa đã thắng lợi vì đó là một phong trào có tính chất quần chúng rộng rãi chứ không phải là một hành động tự phát của một tù trưởng, một bộ lạc riêng lẻ".

Cuộc khởi nghĩa năm 40 do Hai Bà Trưng lãnh đạo quả là bằng chứng hùng hồn của tinh thần yêu nước, yêu tự do cũng như khí phách "tấn công cả trời" của tổ tiên ta thời đó, ngoài ra nó còn định ra một loại hình chiến tranh trước đây chưa hề có mà sau này dân tộc ta thường phải sử dụng: chiến tranh phải giữ dân tộc.

Khi ấy cả nước đang dưới ách thống trị của giặc Hán, từng huyện đều có quân thù, mà quân thù đang trong thế cường thịnh. Nổi dậy chống lại cả một ngoại tộc đô hộ có dư hơn hai trăm năm kinh nghiệm cai trị là một việc làm thật sự phi thường. Lại không chỉ giám nổi dậy mà còn nổi dậy đánh thắng, quét sạch chúng ra ngoài bờ cõi thì quả là vĩ đại.

Làm được như vậy tất phải là phong trào của quần chúng, của toàn dân, trong đó có các vai trò của các tướng lĩnh.

Về tướng lĩnh của Hai Bà, chính sử Việt Nam như Toàn thư, Cương mục chỉ ghi tên có một người là Đô Dương. Sử Trung Quốc như Hậu Hán thư cũng chỉ ghi có Đô Dương.

Riêng Thủy kinh chú chép thêm Chu Bá. Cả sử Việt lẫn sử Trung Quốc đều không có viết gì về lai lịch hai nhân vật này.

Như chúng ta đều rõ, cuộc khởi nghĩa cũng như cuộc kháng chiến do Hai Bà lãnh đạo có tính chất toàn dân, chắc chắn là có nhiều anh hùng nghĩa sĩ ở hai miền đất nước đã quy tụ dưới ngọn cờ đại nghĩa của Hai Bà.

Có điều là sử sách bác học xuất hiện quá muộn nên không ghi chép được nhiều. Ngay sự nghiệp cứu nước vĩ đại của Hai Bà mà Toàn thư cũng chỉ ghi được có vài dòng sơ lược./.

(TTXVN/Vietnam+)

Thế giới ngưỡng mộ Hai Bà Trưng

Tạo chí Glamour (số ra 9/12/2009) mới đây đã xếp Hai Bà Trưng vào danh sách 7 phụ nữ dũng cảm nhất trong lịch sử thế giới.

(Đền thờ Hai Bà Trưng. Ảnh : TTXVN)

Hai Bà Trưng đứng thứ 5 trong danh sách này, với lời ghi chú: "Trưng Nhị và Trưng Trắc – hai chị em xuất thân dòng dõi quý tộc người Việt Nam đã đứng lên lãnh đạo một đội quân 80.000 binh lính, dưới sự chỉ huy của 36 nữ tướng, đánh bại quân xâm lược nhà Hán vào đầu thế kỷ thứ nhất sau công nguyên".

Theo Đại Việt sử ký toàn thư, hai bà nguyên là con gái của Lạc tướng Mê Linh, Phong Châu. Năm mười chín tuổi, bà Trưng Trắc kết hôn với ông Thi Sách, con quan Lạc tướng thành Chu Diên (vùng Sơn Tây ngày nay).

Thời đó, đất nước bị cai trị bởi Thái thú Tô Định, rất tàn bạo. Các Lạc tướng liên kết với nhau, rèn quân để chống đối. Nhằm trấn áp, Tô Định đã bắt và giết Thi Sách- chồng bà Trưng Trắc. Trưng Trắc làm lễ để tang chồng, xong dựng cờ khởi nghĩa, hô hào dân chúng nổi dậy đánh đuổi quân cướp nước. Dân chúng theo hai bà rất đông. Những nữ kiệt xa gần các nơi cũng về tụ hội dưới trướng Hai Bà.

Hai Bà Trưng đem quân tiến về thành Luy Lâu đánh Tô Định, quân Tô Định bị thua to, bỏ chạy. Chỉ trong một thời gian ngắn sau đó, 65 thành trì ở các nơi do quân Hán đóng giữ đều bị các nữ tướng của Hai Bà đánh hạ. Hai Bà xưng Vương, lên ngôi đóng đô tại Mê Linh.

Ba năm sau nhà Đông Hán sai tướng Mã Viện cầm quân sang đánh Trưng Vương. Hai bà thất thủ trong một trận đánh, nên gieo mình xuống Hát Giang tuẫn tiết. (Ngày mồng 6 tháng 3 năm Quí Mão 43).

Nhân dân trong nước lập đền thờ Hai Bà và các tướng lĩnh giỏi (phần lớn là nữ tướng) ở nhiều nơi. Hàng năm, cứ đến ngày 6 tháng Giêng (ngày Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa), tại đền thờ Hai Bà ở xã Mê Linh, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc), lại mở hội lớn, nhân dân trong tỉnh và cả nước nô nức kéo về dự, dân hương tưởng nhớ./.

P.H - http://vov.vn

NHỮNG CÁI NHẤT CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM

Người phụ nữ đầu tiên làm vua ở Việt Nam là: Bà Trưng Trắc, bà là con gái một lạc tướng ở Phong Châu (nay thuộc tỉnh Phú Thọ). Năm 40 của thế kỷ thứ nhất, bà Trưng Trắc đã cùng em gái là Trưng Nhị lãnh đạo nhân dân chống lại sự xâm lược của nhà Hán, thu giang sơn về một mối. Bà xưng vương và giữ ngôi trong 3 năm. Trong lịch sử, bà Trưng Trắc vẫn được gọi là "Vua bà".

Thiếu tướng Nguyễn Thị Định

Nữ tướng duy nhất ở Việt Nam thế kỷ 20 là: Bà Nguyễn Thị Định, sinh năm 1920, tại xã Lương Hòa, Giồng Trôm, Bến Tre. Năm 1974, bà là Thiếu tướng, Phó Tổng tư lệnh lực lượng vũ trang giải phóng Nam Việt Nam. Sau ngày đất nước thống nhất, bà là nữ Phó chủ tịch Hội đồng nhà nước (nay là Phó chủ tịch nước) đầu tiên của Việt Nam và là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Nữ anh hùng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam: Anh hùng Nguyễn Thị Chiên. Anh hùng Nguyễn Thị Chiên sinh năm 1930 tại xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Trong kháng chiến chống Pháp, bà đã xây dựng và chỉ huy đội nữ du kích Tán Thuật (Thái Bình). Hoạt động hiệu quả, táo bạo dũng cảm, nổi tiếng với chiến tích "tay không bắt giặc", bà được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương chiến công và năm 1952 được phong là nữ Anh hùng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Anh hùng Liệt sỹ Võ Thị Sáu. Tên tuổi của chị sáng mãi trong lịch sử dân tộc cùng những câu thơ "Giặc mang ra bãi bắn, vẫn ung dung mỉm cười, đầu ngẩng cao bất khuất..."

Nữ Anh hùng lực lượng vũ trang trẻ nhất là: Chị Võ Thị Sáu (1933 - 1952) xứng đáng với danh hiệu này. Ngay từ năm 15 tuổi, chị đã hăng hái tham gia cách mạng, lập nhiều chiến công vang dội. Tháng 5/1950, bị giặc Pháp bắt, tra tấn dã man nhưng chị vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng. Năm 1952, giặc đày chị ra Côn Đảo và hành quyết. Năm 1993, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã trân trọng truy tặng chị Huân chương chiến công hạng Nhất và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.

Người phụ nữ vác đạn nặng nhất trong chiến tranh Việt Nam là: Anh hùng Ngô Thị Tuyển. Anh hùng Ngô Thị Tuyển sinh năm 1946 tại Nam Ngạn, Hàm Rồng, Thanh Hóa. Chị là nữ dân quân mưu trí, dũng cảm. Ngày 4 – 4- 1965, chị đã vác 2 hòm đạn nặng 98kg vượt qua bờ đê chuyển ra sông phục vụ chiến đấu tại Hàm Rồng Thanh Hóa.

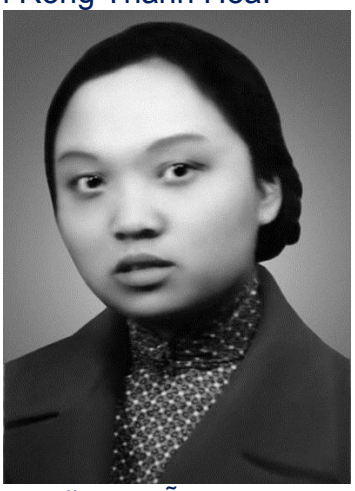

Anh hùng Liệt sỹ Nguyễn Thị Minh Khai

Bí thư thành ủy trẻ tuổi nhất Việt Nam là: Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, chị sinh năm 1910 tại Vinh, năm 16 tuổi thoát ly gia đình hoạt động cách mạng. Năm 30 tuổi trở thành Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn – Chợ lớn. Năm 31 tuổi bị Thực dân Pháp bắt tra tấn và đã anh dũng hy sinh.

Người phụ nữ biên soạn cuốn từ điển Hán Nôm cổ nhất Việt Nam là: Bà Trịnh Thị Ngọc Trúc, bà đã biên soạn cuốn từ điển Hán Nôm "*Ngọc âm chí Nam giải nghĩa*" ở thế kỷ 16.

Người phụ nữ sáng tác nhiều thơ bằng chữ Nôm nhất Việt Nam là:Nữ thi sỹ Hồ Xuân Hương, bà sinh ra ở thế kỷ thứ 18, được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm.

Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam đầu tiên là: Bà Lê Thị Xuyến, bà sinh năm 1909 tại Đại Hòa, Đại Lộc, Quảng Nam, là chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam từ năm 1946-1956.

Người phụ nữ làm Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam lâu nhất là: Bà Nguyễn Thị Thập, sinh năm 1908 tại Long Hưng, Châu Thành, Tiền Giang. Có 18 năm là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1956-1974). Bà cũng là nữ đại biểu Quốc hội nhiều khóa nhất (khóa I đến khóa VI) 36 năm làm đại biểu quốc hội, nữ Phó chủ tịch Quốc hội đầu tiên của Việt Nam.

Người phụ nữ có nụ cười nổi tiếng nhất Việt Nam là: Chị Võ Thị Thắng, chị sinh năm 1945 tại Tiền Bửu, Bến Lức, Long An.

Chị Võ Thị Thắng và "Nụ cười chiến thắng" lịch sử. Một nụ cười dịu dàng có thể làm rung chuyển cả chế độ cầm quyền của quân xâm lược.

Năm 1968 bị giặc bắt, tuyên án 20 năm tù khổ sai. Trước bản án chị tươi cười và nói:*"Tôi sợ chính quyền các ông không đủ thời gian tồn tại để thi hành án của tôi"*. Thực tế đã chứng minh lời nói của chị. Năm 1973, hiệp định hòa bình về Việt Nam được ký kết tại Paris, chị được trao trả tự do. Và là Tổng cục trưởng Tổng cục Du Lịch Việt Nam.

Người nữ Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên Việt Nam là: Bà Nguyễn Thị Bình. Sinh năm 1927 tại xã Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam. Bộ trưởng Bộ ngoại giao chính phủ lâm thời tại Hội nghị Paris năm 1973.

Bà Nguyễn Thị Bình

Bà mẹ anh hùng chịu đựng nỗi đau lớn nhất trong lịch sử: Mẹ Nguyễn Thị Thứ. Sinh năm 1904, tại xã Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam. Mẹ có 10 người con (9 con trai, 1 con rể) và hai cháu nội hy sinh trong chiến tranh.

Người phụ nữ Việt nam đầu tiên được tặng danh hiệu Viện sỹ thông tấn của Hàn Lâm Viện văn chương khoa học và nghệ thuật toàn châu Âu là: Bà Điểm Phùng Thị, sinh năm 1920 tại Huế. Bà có 36 tượng đài và nhiều tác phẩm điêu khắc. Năm 1993 bà được phong danh hiệu: "Nữ Viện sỹ thông tấn của Hàn lâm Viện Văn chương khoa học và nghệ thuật toàn châu Âu".

Lê Xuân Nhương *sưu tầm*

Theo Báo Dân trí

MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG PHẠM THỊ NGƯ

Mẹ không chỉ là người phụ nữ duy nhất của quê hương Bình Thuận được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Mẹ Việt Nam anh hùng mà mẹ Ngư còn là biểu tượng vĩ đại của những bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Lịch sử nhân loại sẽ phải ghi nhận không có nơi đâu trên trái đất này như ở nước Việt Nam, hai cuộc chiến tranh chống ngoại xâm ở thế kỷ XX đã được cả dân tộc tôn vinh gần 45.000 bà mẹ Việt Nam anh hùng (từ tháng 12/1994 đến hết năm 2001) mà không nơi nào trên trái đất này có danh hiệu cao quý ấy. Một trong những bà mẹ vĩ đại, tuyệt vời ấy là mẹ Phạm Thị Ngư, ở xã Phong Nẫm, Thành phố Phan Thiết.

Ảnh mẹ Ngư chụp năm 1995

Bóng mẹ lồng cao như biển trời Phan Thiết

Mẹ VNAH Phạm Thị Ngư sinh năm 1912, sinh sống tại xã Phong Nẫm, Phan Thiết. Mẹ Ngư là một trong số ít những bà mẹ Việt Nam anh hùng cả nước được Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang và là mẹ Việt Nam anh hùng tiêu biểu có 8 người con ruột và một con rể là liệt sĩ.

Mẹ Ngư là người phụ nữ duy nhất ở tỉnh Bình Thuận được Đảng và Nhà nước phong tặng hai danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đức hy sinh cao cả của mẹ dành cho non sông đất nước và độc lập dân tộc mãi mãi được muôn đời ngưỡng vọng.

Mẹ xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, ở xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, sau dời về Phong Nẫm sinh sống với nghề làm ruộng và trồng rau củ quả. Cha mẹ mất sớm, từ nhỏ mẹ Ngư phải lao động vất vả để kiếm sống cơ cực như mọi người phụ nữ nghèo tại quê hương Hàm Thuận. Lớn lên, mẹ Ngư lập gia đình cùng ông Bùi Dinh cũng là thanh niên nghèo khổ, di dân từ Bình Định vào sinh sống tại đây. Vợ chồng mẹ Ngư sinh được 8 người con cả trai lẫn gái. Bình Thuận là vùng đất giàu truyền thống yêu nước. Mảnh đất từng là nơi hội tụ và dung dưỡng nhiều chí sĩ cách mạng và các nhà nho yêu nước từ đầu thế kỷ XX. Trong số ấy có Phan Chu Trinh, Nguyễn Thông, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Qúy Cáp…và Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) cũng từng dừng chân dạy học tại trường Dục Thanh.

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Bình Thuận là một trong những đia phương có phong trào khá mạnh. Những năm đầu kháng chiến chống Pháp, gia đình mẹ Ngư là cơ sở của cách mạng rất vững chắc. Cả hai vợ chồng mẹ Ngư đều hăng hái tham gia các đoàn thể cứu quốc của mặt trận Việt Minh thành lập.

Mẹ Ngư còn là tổ trưởng Tổ phụ nữ chuyên vận động bà con nhân dân quyên góp tiền bạc, thuốc men, lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội kháng

chiến. Một cân gạo, hộp thuốc sốt rét, kí lô bột ngọt, bịch muối cung cấp cho bộ đội ngày đó quý giá vô cùng.

Đôi khi phải đánh đổi bằng tù đày, máu xương. Nhà mẹ Ngư ngày đó, còn là nơi ẩn náu của các chiến sĩ cảm tử đội Phan Thiết dưới hầm bí mật và còn là đầu mối liên lạc của cán bộ hoạt động hai vùng du kích và sau lưng địch.

Tháng 10/1945, quân Pháp ở Sài Gòn ra đánh chiếm tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa. Mặt trận miền Đông bị vỡ, lực lượng ở đây rút ra Bình Thuận. Trong khi đó, lực lượng Nam tiến ở các tỉnh phía Bắc tiếp tục vào các huyện Hàm Thuận, Hàm Tân, Phan Thiết là nơi hội tụ các lực lượng, nên một số nơi ở huyện Hàm Tân gặp nhiều khó khăn về chổ ở, lương thực, bộ đội ta đã dùng vũ lực ép chính quyền địch tiếp tế.

Bình Thuận vốn là vùng đất hội tụ dân cư khắp 3 miền đất nước, là nơi hội tụ của nhiều người yêu nước đứng lên chống giặc ở nhiều địa phương. Và như một sự sắp đặt của lịch sử, Bình Thuận đã trở thành nơi hội tụ các đoàn quân Nam tiến, đại diện cho lực lượng cả nước ủng hộ Nam bộ đánh giặc Pháp, thể hiện khí thế cả nước ra quân chống quân xâm lược.

Từ gậy tầm vông, từ dao mã tấu, nhân dân Bình Thuận cùng nhân dân miền Nam đã đứng dậy kháng chiến chống Pháp. Năm 1952, người con cả là Bùi Văn Thành tròn 18 tuổi, mẹ Ngư bàn với chồng đưa con gia nhập "Bộ đội cụ Hồ". Ở bộ đội, anh Thành chiến đấu dũng cảm, lập nhiều chiến công và năm 1954 tập kết ra Bắc.

Tám lần tiễn con đi, tám lần khóc thầm lặng lẽ...

Trong cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước, Bình Thuận là mảnh đất gánh chịu rất nhiều bom đạn kẻ thù trút xuống. Các khu căn cứ Tam giác sắt Hàm Thuận và khu Lê Hồng Phong trở thành những cụm pháo đài bất khả xâm phạm nên đêm ngày Mỹ - Ngụy dùng hỏa lực mạnh hòng tiêu diệt, càn quét thường xuyên.

Sau phong trào Đồng Khởi khắp miền Nam, giặc tìm đủ mọi cách lôi kéo, dồn dân lập ấp chiến lược khắp các vùng ven đô và nông thôn. Nhưng cho dù bọn giặc hung ác, bạo tàn đến đâu vẫn không thể ngăn được lòng dân Bình Thuận theo cách mạng và diệt Mỹ.

Dưới chế độ Mỹ – Ngụy, sống cảnh cá chậu chim lồng, mẹ Ngư vẫn một lòng tin tưởng cách mạng, tin tưởng ngày độc lập, mẹ vững lòng nuôi dạy con cái theo chí hướng của mình.

Năm 1960, người chồng bất hạnh qua đời, một mình mẹ tiếp tục cáng đáng công việc đồng áng và nuôi dạy con nên người. Năm 1961, nối được liên lạc với cơ sở cách mạng, mẹ Ngư đưa đứa con thứ hai là Bùi Văn Trung lên căn cứ tham gia công tác ở huyện và cùng các con còn lại làm cơ sở bí mật ở vùng ven.

Thời bấy giờ, thanh niên đến tuổi 17-18 lập tức bọn tay sai lùng bắt đi quân dịch. Chính vì phải đi lính, làm tay sai cho giặc bắn giết đồng bào, chiến sĩ của mình nên hầu hết thanh niên (kể cả nữ thanh niên) đều sớm thoát ly gia đình vào căn cứ tham gia kháng chiến khi mới 15-16 tuổi.

Tháng 5/1961, anh Bùi Văn Thành người con trai lớn của mẹ Ngư trở về quê hương chiến đấu và anh dũng hy sinh trong một trận đánh ác liệt. Nghe tin con hy sinh như sét đánh bên tai, có nỗi đau nào hơn nỗi đau của người mẹ mất con…

Nhưng với bản lĩnh kiên cường và lòng căm thù giặc sâu sắc, mẹ Ngư đã nén đau thương, quyết chí dần hết tinh thần nghị

lực để làm tốt nhiệm vụ cao cả mà cách mạng đã giao và động viên 6 đứa con còn lại lần lượt đường chiến đấu chống Mỹ - Ngụy, cứu nước, cứu quê hương.

Và tất cả những người con của mẹ Ngư đã lần lượt ngã xuống trên mảnh đất quê hương Bình Thuận cho đến ngày giải phóng đất nước, quê hương. Những chiến sĩ gang thép con trai và rễ của mẹ Ngữ đã vĩnh viễn không về với mẹ như người anh lớn Bùi Văn Thành, đó là các anh chị: Bùi Văn Trung, Bùi Văn Tài, Bùi Văn Tú, Bùi Văn Mười, Bùi Thị Mười Em, Bùi Thị Luyến. Mỗi lần nhận được tin con hy sinh, mẹ lại nén nỗi đau thương vô bờ bến. Nỗi đau dâng tràn như nước biển Thương Chánh, Mũi Né. Lòng căm thù giận dữ dâng trào như những cơn sóng biển những ngày bão tố, cuồng phong.

Trời xanh, biển xanh đã ôm các con của mẹ vào lòng quê biển, để lại những nỗi đau kết tinh và chai sần trong trái tim Mẹ. Nhưng nỗi đau ấy, không thể quật ngã ý chí sắt thép kiện cường của mẹ Ngư. “Nếu phải còn có cháu, con lúc đó mẹ vẫn biểu tụi nó đi đánh giặc Mỹ”- Lời mẹ nói ngày đó như hằn in trong ký ức của tôi như một lời thề “Sát Thát” của tổ tiên ngày xưa. Do đặc thù của vùng giáp ranh, Tam giác sắt trở thành một chảo lửa, một túi bom của kẻ thù trút xuống. Ban đêm người dân như mẹ Ngư sống trong ấp chiến lược, nhưng ban ngày tự do quay về đất cũ làm ăn nên giữa hai làn ranh bom đạn ấy, những mất mát, hy sinh là chuyện thường ngày.

Nước mắt mẹ không còn để khóc những đứa con

Những nỗi đau của mẹ Ngư khi nghe hung tin về các con trai, con gái của mẹ hy sinh, tưởng chừng như làm mẹ suy sụp, không thể gượng đứng lên được nỗi. Đau, thì má có đau, đau đớn tột cùng khi những núm ruột mẹ sinh thành đã lìa xa vĩnh viễn.

Nhưng nếu vì đau thương tang tóc, mất con mà mẹ phải gục đỗ hay đầu hàng giặc thì không bao giờ có. Mẹ biết các con của mẹ hy sinh vì chính nghĩa, vì độc lập, hòa bình nên sự hy sinh ấy là niềm tự hào.

Đêm buồn thui thủi trong căn nhà nhỏ, nghe tiếng đại bác từ đồn Mương Mán, Tà Zôn, Ma Lâm nã từng tiếng vào cánh rừng phía Tây, lòng mẹ lại bồn chồn không yên. Mẹ lặng lẽ đến bên bàn thờ đốt nhang cho chồng con với mong muốn cầu trời phật để cho các con trai gái của mẹ bình yên. Nhưng chiến tranh ác liệt thì mọi sự bình yên chỉ là tạm thời. Chỉ là những khoảnh khắc hiếm hoi của tiếng chim hót sau những trận bom pháo dập dồn. Chỉ là những tia nắng len lỏi xen kẽ trong những cành lá ngụy trang, chỉ là sự yên lặng của những con sóng biển hiếm hoi vào sớm ban mai vỗ bờ…

Cả nước vào cuộc chiến mùa xuân Mậu Thân 1968, mẹ Ngư làm một nữ giao liên xông xáo đưa đường chỉ lối cho bộ đội tấn công nhiều cứ điểm quân địch và vận động đồng bào tiếp tế cứu chữa thương binh.

Kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh của mẹ được tích lũy từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp và từ những đau thương mất mát mà các con của mẹ đã hy sinh. Đau thương và căm thù giặc đã trui rèn thêm ý chí sắt thép như thành đồng của mẹ Ngư.

Có hôm đang cầm dở chén cơm định ăn qua loa, hay tin báo đưa đường cho đội cảm tử tiếp cận mục tiêu chiến đấu trong nội đô, mẹ bỏ chén lao đi quên cả đói. Bản thân mẹ đã tìm cách giải thoát 2 nữ chiến sĩ bị địch bắt và móc

nối cơ sở đưa ra vùng căn cứ an toàn.

Từ năm 1969 trở đi, thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", địch đánh phá vùng ven rất ác liệt. Cán bộ bên ngoài không bám trụ được bên trong vì chúng giăng nhiều cạm bẫy, tai mắt chó săn và thường xuyên mở các đợt càn quét, bố ráp. Trước tình hình đó, mẹ Ngư tích cực hoạt động như con thoi đi về, chắp nối liên lạc giữa cán bộ bên ngoài và cơ sở nội thị và thức đêm canh gác để cán bộ đào hầm bí mật ngay trong vườn nhà mình làm nơi trú chân hoạt động. Với hai chiếc hầm bí mật được mẹ hết lòng bảo vệ, tiếp tế cơm nước, nhà mẹ trở thành nơi chỉ đạo củng cố cơ sở, phát triển phong trào ở vùng ven. Mặc dù đời sống thiếu thốn, mẹ vẫn dành gạo nuôi cán bộ, du kích, trong đó có liệt sĩ Đặng Văn Lãnh sau này được Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang. Mỗi lần nhớ đến hình ảnh mẹ Ngư, tôi lại nhớ đến hình ảnh người mẹ trong phim "Đào hầm từ thuở tóc còn xanh, nay mẹ đã phơ phơ đầu bạc", khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu vô ngần của mẹ, ánh mắt sáng nhìn ấm áp vô cùng, phong thái ung dung, thư thả như một bà tiên trong câu chuyện cổ tích ngày xửa, ngày xưa. Có cảnh trong phim bà mẹ ngoáy trầu nhai bỏm bẻm, bọn địch đang tiến đến ngày một gần. Bộ đội đang phục kích, đạn lên nòng sốt ruột hỏi mẹ mấy lần "bắn chưa má ?". Mẹ bình thản ngoáy trầu nhai bỏm bẻm, mắt không rời từng bước chân địch đến rất gần, rất gần…đến câu hỏi lần thứ 5 của anh bộ đội trẻ vừa dứt, mẹ ngưng chìa vôi ngoáy trầu ra lệnh dứt khoát: "Bắn!".

Cự ly chỉ còn chưa đầy 10 mét, toàn bộ lính Mỹ bị quân ta tiêu diệt hoàn toàn. Như câu chuyện cổ tích đánh giặc kể về má Năm Trầu (anh hùng đại tá Hồ Thị Bi), mẹ Ngư cũng như vậy. Cũng đào hầm, chỉ huy đánh giặc với cơi trầu bên cạnh. Những bà mẹ Việt Nam anh hùng của thời đại chống Pháp và chống Mỹ trên đất nước đều như thế, từng là nỗi khiếp sợ của kẻ thù.

Trước sự bao vây kìm kẹp của địch và bọn chó săn, gián điệp, mật thám rất dày đặc khắp nơi nơi, nhưng bọn chúng không bao giờ ngờ được người phụ nữ chất phác hiền lành lại là một chỉ huy đường dây mật báo, liên lạc. Suốt 7- 8 năm liền, bằng nhiều cách mưu trí khôn khéo, mẹ Ngư cùng bà con cơ sở chuyển ra vùng căn cứ giải phóng nhiều tấn lương thực, thực phẩm, thuốc men tiếp tế cho cách mạng, góp phần đáng kể vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ ở địa phương. Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, ngày 6/11/1978, mẹ Phạm Thị Ngư đã được Quốc hội và Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và ngày 11/7/1985 được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng huân chương Độc lập hạng Nhất, huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất.

Với thành tích hy sinh, cống hiến 7 người con thân yêu cho nền độc lập tự do của Tổ quốc, ngày 17/12/1994, mẹ Ngư được Nhà nước phong danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ Ngư qua đời năm 2002, miền cực lạc xa xôi sẽ đón mẹ về với các con liệt sĩ và chồng mẹ.

Nam Yên - Theo
http://phunutoday.vn

Nữ tướng Bùi Thị Xuân

BP - Theo sách "Đại Nam chính biên liệt truyện", phần giai thoại về Bùi Thị Xuân có đoạn viết như sau: Một hôm, lên chợ Phú Phong, Bùi Thị Xuân thấy hai thớt voi đang đứng ăn chuối cây. Chung quanh người coi đông đảo, Bùi Thị Xuân chen vào gần. Voi lấy vòi cạ lên vai, lên lưng Bùi Thị Xuân có vẻ trìu mến. Bùi Thị Xuân liền xin cưỡi thử. Voi quỳ một chân trước cho Bùi Thị Xuân leo ngồi lên cổ, rồi đi tới đi lui theo sự điều khiển của người cưỡi. Cưỡi hết thớt voi này đến thớt voi kia, Bùi Thị Xuân nhận thấy điều khiển voi còn có phần dễ hơn điều khiển ngựa. Từ ấy, cái chí muốn làm bà Trưng bà Triệu lúc còn thơ trở lại nung nấu tâm hồn.

Ngày ngày, Bùi Thị Xuân lo luyện võ cho chị em trong xóm, trong làng. Tiếng đồn đi xa, chị em ở làng khác, huyện khác cũng tìm đến xin thụ giáo. Bùi Thị Xuân lòng mong muốn có tiền mua voi, mua ngựa cho chị em tập. Tuy gia đình thuộc hàng khá giả, lòng thương và chiều con cũng rộng nhưng ông bà họ Bùi không sao làm vui lòng con được.

Bùi Thị Xuân càng lớn lên càng xinh đẹp. Khách "rấp ranh bắn sẻ, ngấp nghé trông sao" ở gần có, ở xa có, ngày nào cũng có người đến xin, nhưng phần đông hễ thấy mặt Bùi Thị Xuân thì "run như run thần tử thấy long nhan", vì trong vẻ đẹp kiều diễm của bà lại chứa đầy vẻ uy nghiêm. Mắt ngước lên nhìn như đôi lằn điện chiếu. Vịnh Bùi Thị Xuân, cụ Nghè Trì có câu:

Hoàng hôn thành dốc bi già động;
Hữu nhân diện tỷ phù dung kiều.

Những chàng trai nhát gan thì vừa đến sân đã vội lùi ra khỏi ngõ. Còn những chàng có ít nhiều đởm lược thì bước vào đến thềm. Nhưng mới bị hỏi sơ vài câu về võ, về văn thì lưỡi tự nhiên cứng lại. Vì vậy mà cho đến 20 tuổi, Bùi Thị Xuân vẫn "tay không, chân rồi". Thời xưa, con gái 17, 18 tuổi mà chưa có chồng thì cha mẹ rất lấy làm lo, nhà họ Bùi cũng thế. Một hôm, bà mẹ tỏ ý lo ngại cùng con, Bùi Thị Xuân cười:

Bà Trưng có chồng chớ bà Triệu đâu có chồng. Nhưng ai dám cười chê?

Để giúp một phần việc chiêu đãi các môn sinh, Bùi Thị Xuân thường đi săn thú như hươu, nai, heo rừng. Vùng truông gò Thuận Ninh là địa bàn săn bắn của Bùi Thị Xuân. Nơi đây, bà quen được hai tráng sĩ: Lý Văn Bưu và

Trần Quang Diệu. Lý Văn Bưu dạy cho bà cách nuôi ngựa, rèn luyện ngựa chiến và huấn luyện ngựa trên các địa hình hiểm trở tại gò hoang, núi đá. Và dạy luôn cả nghệ thuật tập voi. Trần Quang Diệu thì nhờ Bùi Thị Xuân cứu nạn nên giới thiệu bà cùng anh em Tây Sơn. Và chính nhờ anh em Tây Sơn đứng ra làm mai mối mà hai người đã kết nghĩa vợ chồng.

Bùi Thị Xuân đã giúp nhà Tây Sơn trong thời gian gây dựng cơ sở, tổ chức huấn luyện tân binh. Song nhiệm vụ chính của bà là phụ tá Nguyễn Lữ tổ chức kinh tế và tài chính. Trong lĩnh vực này, có người phú nông Nguyễn Thung của thôn Thuận Nghĩa ngay từ ngày đầu đã đem hết tài sản nhập vào ngân quỹ Tây Sơn, rồi tham gia đi làm kinh tế cho nghĩa quân.

Năm Quý Tỵ - 1773, Nguyễn Nhạc khởi nghĩa, đem quân đánh thành Quy Nhơn. Bùi Thị Xuân được phong làm Đại Tổng lý cùng Võ Đình Tú, Võ Xuân Hoài phụ tá dưới trướng Đại Tổng quản Nguyễn Huệ, quản lý toàn vùng Tây Sơn. Khi về với Tây Sơn, bà đem theo đoàn nữ binh tình nguyện theo đại nghĩa. Ở hậu cứ, bà phụ trách huấn luyện, tổ chức và sau này điều khiển 4 lữ đoàn nữ binh (một lữ đoàn gồm 5 tốt, tức 500 người). Trợ giúp cho việc huấn luyện có bốn nữ tướng thân cận của bà: Bùi Thị Nhạn, Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Dung và Huỳnh Thị Cúc.

Đoàn nữ binh ngày ngày lo luyện tập võ nghệ, kỷ luật nghiêm minh, thưởng phạt công bình nên không bao lâu đã thuần thục. Đứng xa nhìn chị em luyện tập thì chẳng khác nhìn cánh đồng hoa chập chờn vờn theo ngọn gió nồm. Nhưng nếu bước đến gần thì sát khí đằng đằng đến lạnh mình, dựng tóc gáy. Còn voi thì do đích thân bà Bùi Thị Xuân huấn luyện.

Lời bàn:

Từ xa xưa, người dân đất Bình Định đã có câu ca dao rằng: Ai vào Bình Đình mà coi; Con gái cũng biết múa roi, đánh quyền... Câu ca dao không chỉ đề cao tinh thần thượng võ mà còn là sự ngợi ca tài năng võ nghệ lỗi lạc của những nữ tướng dưới cờ khởi nghĩa Tây Sơn, dưới trướng của Nguyễn Huệ - Quang Trung. Trong số đó có người nữ tướng kiệt xuất nhất chính là Đô đốc Bùi Thị Xuân - vợ của Thái phó Trần Quang Diệu.

Sống anh hùng, chết oanh liệt, cuộc đời của Đô đốc Bùi Thị Xuân và Thiếu phó Trần Quang Diệu được đời đời ghi danh. Không chỉ ở quê hương mà nhân dân nhiều nơi trong cả nước đã lập đền thờ ghi nhớ công ơn của hai người. Trần Quang Diệu - Bùi Thị Xuân là những anh hùng đã dựng lên triều đại Tây Sơn và chính họ cũng là những người chứng kiến những giờ phút cuối cùng hết sức bi thảm của triều đại đó. Cuộc đời của ông bà là tượng trưng cho triều đại Tây Sơn oai hùng và bi thương, một triều đại để lại trong lòng mỗi người dân đất Việt về tinh thần chiến đấu kiên cường, về khí phách hiên ngang trước quân thù và về tấm lòng trung trinh với dân, với nước.

N.N - http://baobinhphuoc.com.vn

Gặp bà Định trong Đại thắng mùa Xuân

Ngày 22-1-1975, được sự phân công của Tổng biên tập Báo Quân đội nhân dân Nguyễn Đình Ước, đoàn phóng viên gồm 9 người chúng tôi lên đường vào Nam để tham gia và phản ánh chiến cục mùa Xuân 1975 đang hứa hẹn sẽ có rất nhiều diễn biến to lớn.

Tác giả (ngoài cùng, bên phải) trong cuộc gặp gỡ bất ngờ với bà Nguyễn Thị Định giữa rừng Trường Sơn. (Ảnh tư liệu)

Câu chuyện này quá dài và xin khất quý bạn đọc đến một dịp khác tôi sẽ viết lại tường tận hơn. Trong bài báo này, chỉ xin kể lại một kỷ niệm nhỏ về một nhân vật lớn mà đoàn chúng tôi may mắn gặp gỡ trên đường vào Nam. Ấy là cuộc gặp bất ngờ và thú vị với nữ Anh hùng Nguyễn Thị Định, người phụ nữ Bến Tre đã lãnh đạo cuộc đồng khởi đầu tiên, mở ra một giai đoạn mới trong chiến cuộc miền Nam từ năm 1960.

Lúc bấy giờ, bà Định đã là Phó tổng tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, linh hồn của cuộc chiến đang vô cùng ác liệt và gian khổ, nhưng cũng đầy oai hùng và oanh liệt.

Hôm đó nhằm ngày 28-1-1975, tức là sau 6 ngày hành quân bằng xe GAT, chúng tôi đến Binh trạm 2, nằm ở ngã ba Khe Sanh-Hướng Hóa của miền tây Quảng Trị, chính là nơi bắt đầu phân nhánh thành hai con đường Đông và Tây Trường Sơn.

Chúng tôi vừa đặt ba lô, mắc vội cái võng bạt, ngả mình nghỉ ngơi sau một chặng ngồi trên thùng xe tải vượt hàng trăm cây số, bị nó lắc cho như lên đồng và hít không biết bao nhiêu bụi Trường Sơn vào phổi. Đang nghêu ngao câu thơ của anh Phạm Tiến Duật bấy giờ đã trở thành lời cửa miệng của lính Trường Sơn: "Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn..." thì chợt có tiếng mấy cậu lính binh trạm chào ríu rít: "Cô ạ! Cô ạ!"... Và ngay lập tức, gương mặt của nhân vật lừng danh cả nước đã 15 năm nay từ Phong trào Đồng khởi Bến Tre, đã đứng ngay đầu võng của mấy anh em chúng tôi. Trời ơi! Gặp ai thì gặp, nhưng gặp một huyền thoại sống như bà Định, lại là một người phụ nữ "rất phụ nữ" như bà giữa đại ngàn Trường Sơn thế này thì ngạc nhiên và thú vị quá trời! Thế là không ai bảo ai, tất cả chúng tôi

đều reo lên: "Ôi, chị Định!".

Bà Định ngồi xuống một sạp nứa, miệng nhai trầu bỏm bẻm, nở một nụ cười không thể dịu dàng hơn. Với cái máu làm báo, làm văn có sẵn, tôi đã ghi ngay vào tâm trí mình mấy hình ảnh đầu tiên về người phụ nữ lừng danh, hậu duệ của Bà Trưng, Bà Triệu này: Đó là một người phụ nữ Nam Bộ điển hình, trán dô, to, đặc biệt là đôi mắt to, sắc, rất thông minh và rất hiền. Có mấy cái răng vàng ở hàm dưới… Đó là một bà mẹ rộng lượng, vui tính, từng trải nhưng… rất dứt khoát và nhanh trí, hoạt bát vô cùng…

Nữ tướng Nguyễn Thị Định và Chủ tịch Cuba Fidel Castro. Ảnh: http://baoninhthuan.com.vn

Còn nhớ, bà kể cho chúng tôi nghe bà ra Bắc Kỳ lần này theo nhiệm vụ của Trung ương, bà không nói rõ nhiệm vụ gì, dĩ nhiên, nhưng có một nhiệm vụ thì bà không giấu giếm, thậm chí đem khoe một cách khá bẽn lẽn, ấy là "phải đi học thêm"! Bà bảo "anh Sáu" động viên bà như vậy, vì muốn hoàn thành được trọng trách ngày càng lớn thì không thể không học.

Bà hỏi chuyện công việc báo chí của chúng tôi, bảo là thích đọc Báo Quân đội nhân dân lắm, khiến chúng tôi phổng mũi. Đoạn, bà gọi anh phụ trách trạm lại và nhắc anh quan tâm hơn đến chúng tôi vì "nhà báo ra trận vất vả lắm!".

Chi tiết cuối cùng và cũng vui nhất là khi thấy chúng tôi ai cũng kè kè máy ảnh, bà liền kéo cả 9 anh em ra chụp ảnh kỷ niệm. Khi chụp, mọi người đang lúng túng thì bà đứng ra dàn xếp hàng ngũ, miệng nói rất vui:

- Xếp đội hình đẹp vào nghe, người ngồi, người đứng, đừng đứng như "dàn hợp xướng", thế này thì đội hình dài quá…

Nói chung là bà như bà chị làm chủ cả đàn em. Và có lẽ chính bà lúc ấy mới là nhà báo chứ không phải chúng tôi. Xong, bà bắt tay từng anh em một, rất chặt và thân tình vô cùng. Bàn tay bà mềm và ấm quá! Đoạn, bà lại mất hút vào hàng cây bên kia binh trạm, cũng nhanh chóng và bất ngờ như khi bà xuất hiện…

Bà đi rồi mà chúng tôi còn bàn tán mãi về bà, và cánh nhà báo chúng tôi hôm ấy cũng khó mà quên được hình ảnh thân thương, đẹp đẽ của một người phụ nữ có lẽ là biểu tượng bất hủ cho bao người phụ nữ Việt Nam trong cuộc chiến đấu trường kỳ ngày ấy-với tinh thần đã gói trong câu ca ngợi của nhân dân ta: Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.

Nhà thơ ANH NGỌC (Nguyên phóng viên Báo Quân đội nhân dân)

Theo Báo Quân đội nhân dân

CỤ BÀ THỌ NHẤT VIỆT NAM

Tổ chức Kỷ lục Việt Nam vừa ghi nhận cụ Nguyễn Thị Trù, ngụ tại huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh, là cụ bà cao tuổi nhất Việt Nam (122 tuổi).

Con đường vào ấp 5, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh, những ngày cuối năm thấp thoáng những bông mai nở sớm. Do đã hẹn trước, ông Nguyễn Hữu Phương (72 tuổi, con út của cụ Trù) đón chúng tôi từ đầu ngõ. Cụ Trù đang ngồi trên chiếc võng, mái tóc bạc và gương mặt gầy, miệng cười rất tươi, toát lên vẻ đôn hậu của người phụ nữ phương Nam.

Cụ Trù sinh năm 1893, quê ở huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Vậy là cụ đã sống xuyên qua ba thế kỷ. Theo ông Phương, gia đình vốn gốc nông dân nên chẳng có gì gọi là "bí quyết" cao sang để cụ Trù sống thọ. Cụ Trù được đại thượng thọ có thể do môi trường sống trong lành, con cháu hiếu thảo, gia đình hòa thuận. Cuộc sống của cụ không giận hờn, ghét bỏ ai. Giữ thói quen ăn uống điều độ từ hồi còn trẻ, đến giờ, cụ vẫn ăn uống rất đúng giờ, chừng mực; cụ rất thích ăn đồ ngọt. Ông Phương khoe: "Sống hơn 100 tuổi nhưng mẹ tôi chưa lần nào bệnh nặng phải nhập viện. Hồi còn trẻ, cụ có biệt tài bắt cá đồng rất giỏi". Hiện nay, do tuổi cao, cụ Trù không còn nhớ được nhiều về thời xưa; hằng ngày, cụ hay ngồi trò chuyện vui vẻ với con cháu.

Cụ Trù đã đại thượng thọ nên mỗi năm, đến ngày sinh của cụ hoặc ngày dành cho người cao tuổi, chính quyền địa phương đều đến thăm hỏi, tặng quà, xem cụ như là một tấm gương sáng về lối sống cho thế hệ trẻ noi theo. Ở phòng khách chúng tôi quan sát, ngoài tấm bằng công nhận kỷ lục còn có nhiều bằng mừng thọ của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tặng cụ, trong đó có tấm bằng mừng thọ của UBND TP Hồ Chí Minh tặng ngày 6-6-2014, khi cụ Trù tròn 121 tuổi.

Cụ bà Nguyễn Thị Trù. Ảnh: Quỳnh Ngọc.

Khi bài báo này đến tay bạn đọc thì cụ Trù cũng đón mùa xuân thứ 122. Cũng như bao nhiêu người đến thăm, mừng tuổi cụ, chúng tôi chúc cụ tiếp tục sống lâu, sống khỏe để đắp bồi hồng phúc cho gia đình, con cháu...

HÙNG KHOA

http://www.qdnd.vn

NGÀY 8/3: HẠNH PHÚC THAY CHO NHỮNG AI CÓ MẸ, RIÊNG TÔI...

Thuở thiếu thời, những bài học đầu tiên cô dạy đã là hiếu thảo với cha mẹ. Và quả thực chỉ mới thế thôi, vì còn nhỏ dại lắm những suy nghĩ về "công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy". Còn giờ đây, khi nhận ra mọi sức mạnh trên đời đều bắt nguồn từ tình cảm gia đình mà đặc biệt là tình mẫu tử của mẹ, tôi đã tự bước đi trên đường đời và rời xa những người yêu quý nhất.

Với tôi, mẹ là nguồn yêu thương dạt dào nhất! Ngày tôi chào đời đâu biết đến những hạnh phúc của mẹ trong nụ cười tôi sẽ khôn lớn ra sao. Mẹ đặc biệt dành cho tôi tình yêu nồng nàn nhất trong ba chị em trong gia đình. Có thể tôi là đứa út, cũng có thể tôi là nụ cười sau cùng của mẹ. Tôi biết điều đó, chỉ khi đã khôn lớn.

Và giờ thì tự mình thoát ly một nơi xa gia đình và bè bạn thân thiết, tôi không biết những lời ru của mẹ khi xưa có còn vẳng bên tai cùng tôi tiến bước. Vì đến bây giờ, chỉ có lời mẹ ru khiến tôi ấn tượng về mẹ nhất. Ở nơi xa xôi ấy, mẹ có biết chăng những bước chân chập chững mẹ dắt tay ngày nào khiến nụ cười rơi theo giọt nước mắt đã khôn lớn và vững vàng hơn rất nhiều rồi.

Những ngày tháng xa gia đình vào thành phố khác lập nghiệp, tự bản thân tôi nghĩ khá nhiều về ước vọng của mẹ, của ba và các chị. Nếu tôi còn ở lại và đâu đó bên những lời mắng của ba, những lời khuyên răn của các chị, có lẽ tôi sẽ mãi không biết đến những tình cảm thân yêu mọi người dành cho mình. Cơ hội và là thách thức ở phía trước đã kéo tôi thật mau lẹ tới chân trời khám phá mới.

Giờ đây giữa chốn đô thành tất bật, giữa những vòng xoáy cuộc đời, tôi cần những người thân biết bao. Hình ảnh mẹ lại hiện về trong tâm trí và cùng đó là những lời hát nhẹ nhàng xua đi mệt mỏi vật chất và đỡ xuống khỏi vai những gánh nặng áp lực công việc. Lang thang đi vào tâm trí những khi ấy, có một ca khúc ngọt ngào luôn khiến tôi xúc động - một trong số những bài hát tôi yêu thích nhất: "Lời ru cho con" - Xuân Phương.

08/03: Hạnh phúc thay cho những ai có mẹ, riêng tôi...

Thời mà các bà mẹ ru con bằng những câu ca dao, tục ngữ có lẽ đã dần trôi vào quên lãng. Bên cánh võng đưa, trong tiếng gà le te gáy ngoài ngõ, cất lên trong ngôi nhà nào đó tiếng ầu ơ, giọng ví dầu của mẹ ru con - có còn không những hình ảnh ngày xưa. Nhưng ký ức về nó với những ai có mẹ, được mẹ hát ru vào giấc ngủ say nồng thì thật ấm áp và khó phai nhoà. Lời ru như gió mát giữa trưa hè oi bức, làm nụ cười em bé trong giấc ngủ thêm xinh.

Trời mùa đông, lời ru thêm đượm nồng tình mẹ, chở che cho con trước những lần trời rét buốt. Tất thảy dồn yêu thương và mong ước của mẹ vào trong lời ru. Chỉ có mẹ mới biết, những khắc khoải trông ngóng ngày con lớn, con trưởng thành sẽ đi đến suốt cuộc đời của con.

Mẹ thường về trong những giấc mơ tôi ướt. Có thể một ai đó nhớ mẹ vì sự chăm sóc thường xuyên đã lâu, nhớ mẹ vì hiểu ra đôi chân chưa vững nếu thiếu mẹ bên cạnh dẫn lối, chợt thấy yêu mẹ hơn trước phong ba cuộc đời mẹ đã từng trải qua để nuôi dạy ta khôn lớn. Tôi nhớ mẹ vì lâu rồi tôi không nhìn thấy Người, được Người ôm ấp và có thể chỉ là ăn một bữa cơm Người nấu.

Dù một mình bươn chải mọi điều cho riêng mình, bóng dáng mẹ không bao giờ phôi phai trong tôi. Có thể đến giờ tôi vẫn còn là một đứa trẻ yếu đuối khi xa mẹ từ quá sớm, có thể tôi thiếu đi một phần yêu thương sâu sắc thời ấu thơ mà cho đến hiện tại, tôi thấm thía và thấu hiểu cho lời hát "*bao nhiêu giọt yêu thương đã chia hết rồi - lời ru xa rồi giấc mơ thơ ấu...*"

Dẫu biết rằng tình mẹ thật mênh mông, nghĩa mẹ thật rộng lớn, tôi không biết tới chừng nào đáp đền công ơn sinh thành và dưỡng dục ấy. Chỉ biết rằng nếu mãi mang trong lòng những tri ân ấy, con người ta sẽ mãi lớn khôn trong bản thiện và biết yêu quý những gì cuộc sống ban tặng.

Tôi cũng giữ trong ký ức về những gì mẹ đã trao cho, không chỉ lời ru mà còn là những bài học cuộc sống. Mẹ đã dạy tôi nhiều điều mà không hề nói ra; luôn biết ơn cuộc đời tươi đẹp; sống hết mình cho những ngày mai; cho đi hết thảy yêu thương mình có; khó khăn vẫn biết mỉm cười; vì ngày mai nếu không có mẹ bên cạnh, những bước chuẩn bị mẹ dành cho đã khiến người ta lớn dần lên trong đời.

Hạnh phúc thay cho những ai có mẹ! Riêng tôi, nếu có ước muốn trở thành hiện thực trong cuộc đời này, tôi sẽ ước muốn mẹ ở bên và theo tôi một quãng đường đủ cho tôi kịp khôn lớn. Vì giờ đây tôi vẫn chỉ còn là một cậu bé vào đúng cái ngày mà mẹ rời xa cuộc đời này, dành lại sự sống cho chính tôi…

Hơn một lần nhìn lại, ai cũng có những người mẹ, và mẹ tôi chỉ có một trên đời...

..."Mẹ đã nâng con dậy"...

Gia Hoàng- http://www.doisongphapluat.com